

Số: **18** /2016/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày **20** tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Kết luận phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 3 năm 2016

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 201/TTr-SCT ngày 06 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *Th*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: Tư pháp, Công thương (b/c);
- TTTU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- các Thành viên UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các P.CVP;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT-TH, CN.XDCB.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Nường

**QUY CHẾ
XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI TỈNH BẮC NINH**

(Kèm theo Quyết định số ~~18~~/2016/QĐ -UBND ngày ~~20~~/4/2016 của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Cơ quan quản lý Chương trình;
- b) Các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình;
- c) Các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình.

Điều 2. Mục tiêu của Chương trình

Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Ninh là chương trình được xây dựng trên cơ sở định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ xuất khẩu hàng hóa, phát triển thị trường trong nước, kích cầu nội địa và thương mại nông thôn, các khu, cụm công nghiệp, phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ đã được UBND tỉnh phê duyệt. Góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động xúc tiến thương mại cũng như năng lực sản xuất kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Cơ quan quản lý Chương trình

Sở Công Thương là cơ quan được UBND tỉnh giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau :

1. Hướng dẫn xây dựng các đề án xúc tiến thương mại theo quy định của Quy chế này.

2. Đánh giá, thẩm định các đề án xúc tiến thương mại do các đơn vị chủ trì đề xuất để tổng hợp vào Chương trình hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình.

4. Quản lý kinh phí được cấp cho Chương trình.

5. Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

Điều 4. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (gọi tắt là đơn vị chủ trì) bao gồm: Các cơ quan, đơn vị, các tổ chức có chức năng xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, các hiệp hội ngành hàng trong tỉnh có đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện tại Quy chế này và được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;
- c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp;
- d) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;
- đ) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp), được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành, có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này, chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các nội dung xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

Điều 6. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm;
- b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo qui định của pháp luật.

2. Ngân sách hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

- a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương.
- b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.
- c) Các đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn kết hợp với phần ngân sách hỗ trợ để đảm bảo thực hiện Chương trình.

3. Quá trình thực hiện Chương trình kinh phí còn dư (nếu có) sẽ được điều chuyển vào các nội dung của Chương trình đã phê duyệt phát sinh kinh phí hoặc các đề án mới. Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được điều chuyển để sử dụng trong năm tiếp theo.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 7. Nội dung chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu

1. Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm các ngành hàng của tỉnh như : thủ công mỹ nghệ, sản phẩm làng nghề, nông sản thực phẩm, sản phẩm công nghiệp địa phương.

Hỗ trợ 70% các khoản chi phí : chi phí mua tư liệu; chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; chi phí xuất bản và phát hành; các khoản chi khác (nếu có). Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này là 1,5 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

2. Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của Bắc Ninh ra thị trường nước ngoài.

Hỗ trợ 70% chi phí theo hợp đồng, bao gồm : Chi phí thiết kế, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông; chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý.

3. Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến Bắc Ninh để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho các sản phẩm xuất khẩu của địa phương theo hợp đồng trọn gói.

Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng)

4. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước đến Bắc Ninh để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài.

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn : Hỗ trợ 70% chi phí hợp lý sản phẩm tư vấn hoàn thành.

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 2 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

5. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại.

Hỗ trợ 50% đối với đối tượng là doanh nghiệp; hỗ trợ 100% đối với đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại của tỉnh; gồm các khoản chi sau:

a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên, các khoản chi khác (nếu có).

b) Hoặc học phí trọn gói của khoá học.

6. Tổ chức tham gia hội chợ triển lãm thương mại

a) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài.

Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Thuê mặt bằng và thiết kế dàn dựng gian hàng; trang trí tổng thể khu gian hàng của Bắc Ninh; phiên biên dịch; chi phí tuyên truyền quảng bá mời khách đến tham quan giao dịch; tổ chức hội thảo; công tác phí cho cán bộ tổ chức khu trưng bày; các khoản chi khác (nếu có)

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại Việt Nam.

Hỗ trợ 50% các khoản chi phí: Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí tổng thể khu gian hàng của Bắc Ninh; phiên dịch; chi phí tuyên truyền quảng bá mời khách đến tham quan giao dịch; tổ chức hội thảo; công tác phí cho cán bộ tổ chức khu trưng bày; các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này là 12 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

7. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài.

Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

a) 01 vé máy bay khứ hồi/ 01 đơn vị tham gia;

b) Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu;

c) Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

d) Công tác phí cho cán bộ tổ chức chương trình;

đ) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 40 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

8. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Bắc Ninh giao dịch mua hàng.

Hỗ trợ các khoản chi phí: Chi phí tuyên truyền quảng bá, tổ chức sự kiện mời các doanh nghiệp nước ngoài tham dự và tổ chức chiêu đãi một lần trong sự kiện.

Điều 8. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Tổ chức hội trợ triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc hội chợ triển lãm chuyên ngành tại Bắc Ninh.

Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng tiêu chuẩn (gian hàng khung nhôm, có vách ngăn, 3m x3m) cho các doanh nghiệp địa phương tham gia hội chợ triển lãm. Mức hỗ trợ tối đa là 10 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

2. Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng

Việt về nông thôn, các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị thông qua doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng.

Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

- a) Chi phí vận chuyển;
- b) Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;
- c) Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;
- d) Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;
- đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- e) Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;
- f) Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng;
- g) Các khoản chi khác (nếu có).

Mỗi đợt bán hàng từ 5 đến 7 ngày, có thể thực hiện nhiều đợt ở các địa điểm khác nhau. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 105 triệu đồng/1 đợt bán hàng.

3. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm.

Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- a) Chi phí mua tư liệu;
- b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;
- c) Chi phí xuất bản và phát hành;
- d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 95 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

5. Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại. Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 175 triệu đồng/1 cụm, điểm quy hoạch.

6. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

Hỗ trợ 100% các khoản chi:

a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên và các khoản chi khác (nếu có);

b) Hoặc học phí trọn gói của khoá học.

Điều 9. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác và một số chương trình đột xuất không nằm trong kế hoạch hàng năm, nếu phù hợp và cần thiết Sở Công Thương đề xuất, trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 10. Xây dựng đề án xúc tiến thương mại

1. Đề án xúc tiến thương mại phải đáp ứng các yêu cầu sau :

a) Phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ đã được UBND tỉnh phê duyệt;

b) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp tỉnh;

c) Phù hợp với nội dung chương trình quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy chế này;

d) Đảm bảo tính khả thi về: Nội dung, phương thức triển khai, thời gian, tiến độ triển khai, nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật.

đ) Đối với các đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 2 năm tài chính, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.

2. Các đơn vị chủ trì xây dựng đề án và gửi đăng ký đề án đến Sở Công Thương trước ngày 30 tháng 8 của năm trước năm kế hoạch. Giao Sở Công Thương hướng dẫn cụ thể về hồ sơ đăng ký đề án.

Điều 11. Thẩm định đề án và phê duyệt chương trình

Sở Công Thương thẩm định các đề án quy định tại điều 8 về nội dung xúc tiến thương mại thị trường trong nước; phối hợp với Sở Ngoại vụ thẩm định các đề án quy định tại điều 7 về nội dung xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu, tổng hợp nội dung và dự toán kinh phí thành Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh, đưa vào dự toán ngân sách của năm kế hoạch, gửi Sở Tài chính thẩm định, để trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình.

Điều 12. Triển khai thực hiện chương trình

1. Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình, Sở Công Thương có quyết định giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện đề án thuộc

Chương trình cho các đơn vị chủ trì, hướng dẫn đơn vị chủ trì sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả, quyết toán kinh phí theo đúng qui định.

2. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung, thời gian thực hiện đề án đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì phải có văn bản giải trình rõ lý do và đề xuất phương án điều chỉnh gửi Sở Công Thương. Trường hợp việc điều chỉnh vẫn nằm trong khuôn khổ các nội dung và tổng dự toán đã được UBND tỉnh phê duyệt, giao Sở Công Thương xem xét cho phép điều chỉnh; trường hợp vượt quá thẩm quyền, Sở Công Thương báo cáo, xin ý kiến quyết định của UBND tỉnh.

3. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ chương trình đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp; giao Sở Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện.

4. Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án thuộc chương trình, UBND tỉnh giao Sở Công Thương thực hiện việc điều chuyển kinh phí còn dư (nếu có) để bổ sung cho các đề án đã phê duyệt phát sinh tăng kinh phí hoặc các đề án mới.

5. Đối với hoạt động tổ chức hội trợ triển lãm không nằm trong Chương trình, Sở Công Thương thực hiện công tác quản lý theo quy định hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình, bảo đảm chương trình được thực hiện có hiệu quả, đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Chương trình trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

4. Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm các quy định của Quy chế này và các quy định có liên quan; hoặc không thực hiện đúng các yêu cầu, hướng dẫn của Sở Công Thương; hoặc đăng ký đề án nhưng không thực hiện được.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Trên cơ sở nội dung Chương trình do Sở Công Thương tổng hợp gửi, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Chương trình theo khả năng cân đối ngân sách, báo cáo UBND tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí thực hiện Chương trình theo qui định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn cụ thể về hồ sơ đăng ký, thẩm định đề án và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu quy định tại điều 7 của quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các hiệp hội ngành hàng trong tỉnh và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình; tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại với các tỉnh, thành phố, với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các đề án đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và dự toán; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi, thanh quyết toán kinh phí.

2. Lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí theo quy định. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

3. Sau khi thực hiện từng nội dung chương trình, đơn vị chủ trì phải có báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện gửi về Sở Công Thương chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc thực hiện đề án.

4. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại điều 13 Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị tham gia chương trình

1. Thực hiện đăng ký tham gia chương trình gửi đơn vị chủ trì.

2. Báo cáo tình hình, đánh giá kết quả tham gia gửi đơn vị chủ trì chậm nhất là 05 ngày sau khi kết thúc đề án để tổng hợp báo cáo Sở Công Thương.

3. Cung cấp đầy đủ chứng từ và chịu trách nhiệm về nội dung chi phí; phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì thực hiện thanh quyết toán sau khi chương trình kết thúc.

Điều 19. Quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để nghiên cứu, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./. *Th*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Nường